

BỘ Y TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH RĂNG HÀM MẶT
MÃ NGÀNH: 52720601

Cần Thơ, năm 2017

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên chương trình đào tạo: Răng Hàm Mặt – Odonto-Stomatology

2. Mã ngành đào tạo: 7720501

3. Văn bằng tốt nghiệp: Bác sĩ Răng Hàm Mặt

4. Thời gian đào tạo: 12 học kỳ (có thể học vượt rút ngắn thời gian đào tạo hoặc kéo dài thời gian đào tạo nhưng không quá 06 học kỳ)

5. Ngày ban hành: 01/08/2017

6. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo Bác sĩ Răng Hàm Mặt có y đức, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học và nha khoa, để xác định và đề xuất, tham gia giải quyết các vấn đề trong dự phòng, chẩn đoán và điều trị các bệnh răng hàm mặt cho cá nhân lẫn cộng đồng. Bác sĩ Răng hàm mặt còn phải có khả năng nghiên cứu khoa học, tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe răng miệng cho nhân dân.

7. Mục tiêu cụ thể

7.1. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của ngành y tế nói chung và của ngành Răng hàm mặt.

- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.

- Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ.

7.2. Kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học lâm sàng chung và ngành Răng hàm mặt.

- Có kiến thức chung về chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp.

- Có kiến thức cơ bản về trạng thái bình thường, bệnh sinh, bệnh căn, chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh Răng Hàm Mặt.

- Có phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học Răng Hàm Mặt.

- Nắm vững luật pháp, chính sách của Nhà nước bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, gắn với sức khỏe răng miệng.

7.3. Kỹ năng

- Chẩn đoán được một số bệnh thường gặp
- Chẩn đoán và xử trí các bất thường và bệnh lý răng miệng và hàm mặt: sâu răng, nha chu, rối loạn chức năng hệ thống nhai.
- Chẩn đoán và xử trí ban đầu, một số bệnh Răng hàm mặt, lệch lạc răng, mất răng, ung thư răng, dị tật bẩm sinh, viêm nhiễm, chấn thương hàm mặt...
- Xử trí được các trường hợp cấp cứu răng hàm mặt như chảy máu sau nhổ răng, viêm tuỷ răng, gãy xương hàm, viêm nhiễm vùng miệng-hàm mặt...
- Sử dụng kết hợp được một số biện pháp y học cổ truyền trong phòng bệnh và chữa bệnh răng hàm mặt.
- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe; phối hợp tổ chức việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe răng miệng cho cá nhân và cộng đồng; bảo vệ, vệ sinh môi trường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp.
- Quản lý được một cơ sở Răng hàm mặt.
- Sử dụng được tối thiểu một ngoại ngữ và tin học để nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

8. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra 1: Vận dụng đặc điểm giải phẫu hệ thống nhai, sự ăn khớp giữa các răng, hình ảnh X quang để chẩn đoán và điều trị bệnh răng miệng.

Chuẩn đầu ra 2: Chỉ định và phân tích được một số xét nghiệm phục vụ cho chẩn đoán, xử trí các bệnh Răng Hàm Mặt thường thông thường.

Chuẩn đầu ra 3: Thực hiện được một số thủ thuật và thăm dò chức năng phục vụ chẩn đoán và điều trị các bệnh trong Răng Hàm Mặt.

Chuẩn đầu ra 4: Chẩn đoán, xử trí cấp cứu và điều trị một số bệnh thường gặp trong răng hàm mặt

Chuẩn đầu ra 5: Chẩn đoán và thực hiện được xử trí ban đầu các bệnh lý ung thư, dị tật bẩm sinh.

Chuẩn đầu ra 6: Thực hiện được điều trị chỉnh hình cơ bản, phục hình răng mất bằng phục hình tháo lắp, phục hình răng cố định, implant.

Chuẩn đầu ra 7: Thực hiện nghiên cứu khoa học, báo cáo tham dự các hội nghị khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế.

Chuẩn đầu ra 8: Vận dụng kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước trong thực hành nghề nghiệp; theo đúng yêu cầu của ngành đào tạo.

Chuẩn đầu ra 9: Giao tiếp, cộng tác và làm việc nhóm hiệu quả hiệu quả; ứng xử chuyên nghiệp; thể hiện tinh thần trung thực, khách quan, trách nhiệm; thể hiện tinh thần, thái độ lấy người bệnh làm trung tâm; tôn trọng quyền lợi người bệnh, bảo đảm sự bảo mật thông tin cho người bệnh và ý thức phục vụ cộng đồng.

Chuẩn đầu ra 10: Thực hiện tốt các kỹ năng mềm để xử lý công việc: Kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý, kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng thể hiện tư duy tư duy phản biện, tư duy sáng tạo; kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo, bài báo khoa học; kỹ năng tự học và học tập suốt đời.

Chuẩn đầu ra 11: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để giao tiếp, tra cứu tài liệu; thu thập thông tin mới và áp dụng vào thực tiễn.

Chuẩn đầu ra 12: Sử dụng tốt tiếng Anh và/hoặc các ngôn ngữ khác trong giao tiếp, đọc được văn bản, viết báo cáo và phát biểu về các chủ đề liên quan đến ngành đào tạo; trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra 13: Luyện tập được ít nhất một môn thể dục thể thao nhằm nâng cao sức khỏe và thể chất cho bản thân.

9. Số tín chỉ yêu cầu: 210 tín chỉ

TT	Khối lượng học tập	Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương , trong đó: Kiến thức chung Kiến thức cơ sở khối ngành	50 32 18
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp , trong đó: Kiến thức cơ sở của ngành Kiến thức ngành Kiến thức tự chọn Kiến thức chuyên ngành tổng hợp	160 62 86 8 4
Tổng cộng		210

10. Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của bộ giáo dục và đào tạo và theo đề án tuyển sinh hàng năm của trường

11. Cấu trúc chương trình dạy-học

11.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số TC	Phân bố tín chỉ		
			LT	TH	Tự học
Các học phần chung		32	27	5	
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ Nghĩa Mác Lênin I	2	2		4
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ Nghĩa Mác Lênin II	3	3		6
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		4
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		6
5	Anh văn I	3	3		6
6	Anh văn II	3	3		6
7	Anh văn chuyên ngành	3	3		6
8	Tin học đại cương	2	1	1	2
9	Giáo dục thể chất	3	1	2	2
10	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3		6
11	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2		4
12	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	1	4
Các học phần cơ sở khối ngành		18	14	4	
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1		2
14	Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2	2		4
15	Sinh học và di truyền	3	2	1	4
16	Lý sinh	3	2	1	4
17	Hóa học	3	2	1	4
18	Tin học ứng dụng	2	1	1	2
19	Xác suất – Thống kê y học	2	2		4
20	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	2	2		4
Tổng cộng		50	41	9	

11.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

11.2.1. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

STT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số TC	Phân bố tín chỉ		
			LT	TH	Tự học
<i>Các học phần cơ sở của ngành</i>		62	33	29	
21	Giải phẫu I	3	2	1	4
22	Giải phẫu II	2	1	1	2
23	Mô phôi	3	2	1	4
24	Sinh lý I	2	2		4
25	Sinh lý II	3	2	1	4
26	Hóa sinh	3	2	1	4
27	Vi sinh	3	2	1	4
28	Ký sinh trùng	3	2	1	4
29	Giải phẫu bệnh	2	1	1	2
30	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	1	4
31	Dược lý	3	2	1	4
32	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	2	1	1	2
33	Tiền lâm sàng I	2		2	0
34	Tiền lâm sàng II	2		2	0
35	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	2
36	Nội cơ sở	2	1	1	2
37	Ngoại cơ sở	2	1	1	2
38	Bệnh học nội khoa	3	1	2	2
39	Bệnh học ngoại khoa	3	1	2	2
40	Nhi khoa	2	1	1	2
41	Phụ sản	2	1	1	2
42	Y học cổ truyền	2	1	1	2
43	Tai mũi họng	2	1	1	2
44	Mắt	2	1	1	2
45	Da liễu	2	1	1	2
46	Thần kinh	2	1	1	2
<i>Các học phần chuyên ngành</i>		86	39	47	
47	Giải phẫu răng	3	1	2	2
48	Mô phôi răng miệng	1	1		2

49	Sinh học miệng	1	1		2
50	Vật liệu - thiết bị nha khoa	2	1	1	2
51	Mô phỏng lâm sàng	2	1	1	2
52	Cẩn khớp học	3	2	1	4
53	Giải phẫu ứng dụng và Phẫu thực TH hàm mặt	3	1	2	2
54	Phẫu thuật miệng I	2	1	1	2
55	Phẫu thuật miệng II	2	1	1	2
56	Bệnh học miệng - hàm mặt I	3	2	1	4
57	Bệnh học miệng - hàm mặt II	2	1	1	2
58	Phẫu thuật hàm mặt	4	2	2	4
59	Chẩn đoán hình ảnh nha khoa	2	1	1	2
60	Sâu răng học	2	1	1	2
61	Chữa răng - nội nha I	2	1	1	2
62	Chữa răng - nội nha II	4	1	3	2
63	Răng trẻ em	3	1	2	2
64	Nha chu I	2	1	1	2
65	Nha chu II	2	1	1	2
66	Chỉnh hình răng mặt căn bản	3	2	1	4
67	Phục hình I	3	1	2	2
68	Phục hình II	2	1	1	2
69	Phục hình III	3	1	2	2
70	Phục hình IV	3	1	2	2
71	Phục hình V	3	1	2	2
72	Nha khoa phục hồi tổng quát I	3	1	2	2
73	Nha khoa phục hồi tổng quát II	3		3	0
74	Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật	4	1	3	2
75	Nha khoa dự phòng và phát triển	2	1	1	2
76	Nha khoa cấy ghép	2	1	1	2
77	Nha khoa công cộng	2	2		4
78	Tổ chức hành nghề bác sỹ răng hàm mặt	1	1		2
79	Nha khoa hiện đại	3	1	2	2
80	Đào tạo thực địa và Thực tập cộng đồng	3	1	2	2
81	Điều trị loạn năng hệ thống nhai	1	1		2
Tổng cộng		148	72	76	

11.2.2. Kiến thức tự chọn

STT	TÊN HỌC PHẦN	Tổng số TC	Phân bố tín chỉ		
			LT	TH	Tự học
<i>Nhóm học phần 1: Nha khoa dự phòng</i>		8	2	6	4
82	Chỉnh nha răng mặt ứng dụng	4	1	3	2
83	Thực hành điều trị răng trẻ em	4	1	3	2
<i>Nhóm học phần 2: Nha khoa phục hồi</i>		8	2	6	
84	Điều trị nội nha lại	4	1	3	2
85	Phục hình trên implant	4	1	3	2
<i>Nhóm học phần 3: Bệnh lý - phẫu thuật</i>		8	2	6	
86	Phẫu thuật răng miệng	4	1	3	2
87	Phẫu thuật hàm mặt cơ bản	4	1	3	2
Tổng cộng số tín chỉ tự chọn		8	2	6	

11.2.3. Kiến thức chuyên ngành tổng hợp: 4 tín chỉ.